

My name is: _____

WORKSHEET

FFs1 – Unit 9 10.2

Teacher's feedbacks

Task 1: Look and match.

(Con nhìn và nối với đáp án đúng nhé.)



cereal

fries



curly

pineapple



watermelon

wavy

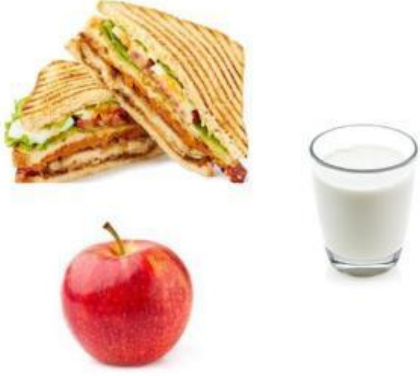


brown

hamburger



Task 2: Write the correct answer: Con viết đáp án đúng nhé

Breakfast	Lunch	Dinner
		

orange juice

apple juice

cakes

milk

apple

fish

pear

rice

noodles

sandwiches

1. What have you got for breakfast?

→ I have two _____, an _____ and _____ for breakfast.

2. What has she got for lunch?

→ She has _____, _____, _____ and a _____ for lunch.

3. What has he got for dinner?

→ He has _____, _____ and _____ for dinner.

Task 3: Listen and write the correct number: Con nghe và viết số nhé

